

Bản án số: **88/2021/HC-ST**

Ngày: 30/3/2021

*V/v: Khiếu kiện các Quyết định  
hành chính trong lĩnh vực quản  
lý đất đai.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hồng Lam  
***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Nguyễn Thị Minh Hà  
Bà Bạch Thị Kim Loan

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Trần Công Hách - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:***  
Bà Đinh Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm đã thụ lý số 69/2020/TLST-HC ngày 31/3/2020 về việc khiếu kiện đối với các Quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/QĐXX-HC ngày 03/03/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-HC ngày 17/03/2021, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973

Địa chỉ nơi ở: TDP Y 2, phường L, quận B, Tp Hà Nội.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Phan H

Cùng địa chỉ tại Tổ dân phố T 6, phường T, quận B, Tp Hà Nội.

**\* Người bị kiện:**

**1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội**

Trụ sở: 79 phố Đ, phường L, quận H, Hà Nội

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ – Phó Chủ tịch

**2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Tp Hà Nội**

Trụ sở: Lô C, đường V, phường M, quận B, Tp Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Ngọc H – Chủ tịch

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Phùng Thị Kim T – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất quận B.

**3. Ủy ban nhân dân quận B, Tp Hà Nội**

Trụ sở: Lô C, đường V, phường M, quận B, Tp Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lưu Ngọc H** – Chủ tịch

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà **Phùng Thị Kim T** – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất quận B.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân phường L, quận B, Tp Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đoàn Mạnh H** – Phó Chủ tịch

2. Hợp tác xã Yên Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn C** – Giám đốc

3. Ông **Hà Văn Thái**, sinh năm 1933

4. Ông **Hà Văn Đ**, sinh năm 1970

5. Bà **Hà Thị H**, sinh năm 1992

6. Ông **Hà Văn M**, sinh năm 1995

Cùng nơi ở: TDP Y 2, phường L, quận B, Tp Hà Nội.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN :**

**\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:**

Năm 1981, gia đình bà Nguyễn Thị L ( chồng là ông Hà Văn Đ) được Hợp tác xã Yên Nội giao diện tích đất nông nghiệp (bao gồm đất cấy lúa, đất trồng màu khu bãi và khu sống cao) để sản xuất theo mô hình kinh tế hộ (có xác nhận của HTX Yên Nội) với diện tích: 2068m<sup>2</sup>. Năm 2000, gia đình bà L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 1534m<sup>2</sup>, bao gồm:

- Thửa đất số 67, tờ bản đồ 15, diện tích 686 m<sup>2</sup>
- Thửa đất số 580B, tờ bản đồ 16, diện tích 848 m<sup>2</sup>

Gia đình bà L còn có 534 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (258m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 586, tờ bản đồ số 16 và 276m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 595, tờ bản đồ số 16) cũng được giao từ năm 1981 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này gia đình bà L sử dụng ổn định từ lúc nhận giao khoán đến nay và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Ngày 11/4/2016, Ủy ban nhân dân quận B ra Quyết định số 1312/QĐ-UBND thu hồi 534m<sup>2</sup> đất gia đình bà L được giao để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội trên địa bàn phường L. Cùng ngày gia đình bà L nhận được Quyết định số 1383/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình bà L. Cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất 534m<sup>2</sup> : **107.654.400 đồng**
- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản : **80.964.791 đồng.**

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường là: **188.619.191 đồng**. Số tiền này gia đình bà L đến nay chưa nhận.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ nên bà L đã làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND quận B.

Ngày 29/7/2016, gia đình bà L nhận được Quyết định số 3066/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà L.

Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 3066/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B, gia đình đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

Đến ngày 22/7/2019, sau gần 3 năm, gia đình bà L mới nhận được Quyết định số 6895/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại của gia đình bà L. Nội dung quyết định này là đồng ý với Quyết định 3066/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại của gia đình bà L.

Không đồng ý với các Quyết định giải quyết khiếu nại, bà L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hủy các quyết định gồm:

- + Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết.

- + Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu.

- + Quyết định số 6895/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai.

- Yêu cầu UBND quận B ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình bà L số tiền **610.917.573 đồng** (sáu trăm mười triệu chín trăm mười bảy nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng)

**Người bị kiện là Chủ tịch và UBND quận B trình bày:**

Đối với yêu cầu khởi kiện, UBND và chủ tịch UBND quận B giữ nguyên các Quyết định hành chính đã ban hành đối với bà Nguyễn Thị L. Bởi vì :

- Về hồ sơ pháp lý thực hiện dự án:

Ngày 04/5/2007, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 1742/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm GPMB theo quy hoạch tạo quỹ đất sạch của dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghệ Hà Nội.

Ngày 02/11/2007, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4356/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ cho UBND huyện Từ Liêm (TTPTQĐ huyện Từ Liêm) GPMB theo quy hoạch tạo quỹ đất sạch của dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 10/12/2007, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4918/QĐ-UBND về việc phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án GPMB tạo quỹ đất để xây dựng Dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 23/4/2008, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1462/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.036.618m<sup>2</sup> đất tại các xã: Tây Tựu, L, Thụy Phương, M và Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Từ Liêm (thuộc UBND huyện Từ Liêm) để tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy hoạch tạo quỹ đất sạch chuẩn bị thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 03/12/2008, UBND thành phố Hà Nội ban hành quyết định số 2385/QĐ-UBND về việc phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án Đầu tư xây dựng mở rộng nghĩa trang xã M, huyện Từ Liêm để phục vụ GPMB dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Hồ sơ định vị ranh giới thửa đất (phục vụ cho công tác BTHT&TĐC) ngày 23/5/2008 dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 02/12/2014, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội đã có Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, danh mục dự án, công trình chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ năm 2015 trên địa bàn Thành phố (trong đó có dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội).

Ngày 29/01/2015, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 443/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 quận B (trong đó có dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội).

- Về quá trình sử dụng đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L:

Khu xứ đồng Sông cao thuộc thôn Yên Nội xã L, huyện L, thành phố Hà Nội (nay là TDP Yên Nội, phường L, quận B, thành phố Hà Nội). Tại thời điểm giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, khu đất trên thuộc quỹ đất nông nghiệp được đưa vào để giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, Hợp tác xã Yên Nội có 02 đội sử dụng diện tích đất ngoài bãi sông Hồng và 01 đội sử dụng đất trong đồng (Khu sông cao), các hộ ý kiến nếu cấp sổ đỏ trong khu sông cao thì phải cấp sổ cho cả khu ngoài bãi sông. Do đó, Hợp tác xã Yên Nội trước đây đã thống nhất để lại không giao diện tích đất Khu xứ đồng Sông Cao.

UBND xã L trước đây thực hiện việc giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ theo hình thức bình quân nhân khẩu trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất của các hộ sử dụng từ khoán 10, khoán 100 và cân đối diện tích hộ thừa cho hộ thiếu. Nhưng khi triển khai việc giao đất nông nghiệp đã không thực hiện được việc cân đối giữa các hộ sử dụng thừa và thiếu so với phương án cho các hộ gia đình, cá nhân. Dẫn đến hiện nay tại phường L vẫn đang sử dụng tồn tại các hộ dân sử dụng thừa và các hộ dân sử dụng thiếu so với phương án.

Diện tích đất thuộc khu xứ đồng Sông Cao không được thống kê vào hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L tại Phương án giao đất nông nghiệp chi tiết và được xác định là đất nông nghiệp không giao do UBND xã quản lý. Theo phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của UBND xã L (nay là UBND phường L), hộ gia đình bà Nguyễn Thị L ( chồng là ông Hà Văn Đ) có 05 nhân khẩu, được giao 1.290m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, hộ gia đình hiện đang sử dụng 2.068m<sup>2</sup> đất. Trên thực tế hộ gia đình ông Đ đã được cấp GCN-QSD: 1.534m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (gồm thửa 67, tờ bản đồ 15, diện tích 686m<sup>2</sup> và thửa 580B, tờ bản đồ 16, diện tích 848m<sup>2</sup>), so với hạn mức nhân khẩu trong phương án giao đất thừa 244m<sup>2</sup>.

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị L không thực hiện việc kê khai đề nghị giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng tại Xứ đồng Sông Cao và cũng không có khiếu nại, ý kiến về việc giao đất của UBND xã

L, UBND huyện Từ Liêm trước đây. Do Hội đồng giao đất nông nghiệp xã L không lập phương án giao đất tại khu xứ đồng Sóng Cao và hộ gia đình bà Nguyễn Thị L không kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND huyện Từ Liêm trước đây không xem xét việc giao đất, cấp GCN QSDĐ cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị L đang sử dụng đất tại khu vực này. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị L vẫn sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại Khu Sóng cao từ thời điểm khoán 10, khoán 100 đến nay. UBND xã L, UBND huyện Từ Liêm trước đây không thực hiện việc thu hồi đất lại diện tích đất nông nghiệp không giao cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị L tại khu xứ đồng Sóng Cao để quản lý theo quy định và cũng không ký hợp đồng thuê đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất.

Diện tích 534m<sup>2</sup> đất (thuộc thửa đất số 586, tờ bản đồ số 16, diện tích 258m<sup>2</sup> và thửa 595, tờ bản đồ số 16, diện tích 276m<sup>2</sup>, bản đồ đo năm 1994 xã L (nay là phường L) do hộ gia đình bà Nguyễn Thị L đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không giao do UBND phường L quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/CP).

- Về việc thu hồi đất và lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị L:

Ngày 06/5/2008, Tổ công tác giải phóng mặt bằng dự án có Biên bản điều tra, xác minh về đất thu hồi và tài sản trên đất đã ghi nhận: Chủ sử dụng đất là UBND xã L, chủ tài sản là hộ gia đình bà Nguyễn Thị L đang sử dụng tài sản trên diện tích 534m<sup>2</sup> đất (thuộc thửa đất số 586, tờ bản đồ số 16, diện tích 258m<sup>2</sup> và thửa 595, tờ bản đồ số 16, diện tích 276m<sup>2</sup>, bản đồ đo vẽ năm 1994 xã L nay là phường L). Toàn bộ diện tích 534m<sup>2</sup> đất bị thu hồi tại dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 22/9/2008, UBND xã L đã có Biên bản rà soát về tài sản gắn liền trên đất đối với gia đình bà Nguyễn Thị L nằm trong chỉ giới thu hồi đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội tại thôn Yên Nội, xã L, huyện Từ Liêm;

Ngày 06/10/2008, UBND xã L (nay là UBND phường L) có xác nhận về đất và tài sản gắn liền trên đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội đối với gia đình bà Nguyễn Thị L với nội dung: Chủ sử dụng đất UBND xã L, chủ sử dụng tài sản trên đất bà Nguyễn Thị L.

Ngày 04/5/2015, UBND phường L đã có xác nhận bổ sung về thời điểm sử dụng đất thửa đất số 586, tờ bản đồ số 16, diện tích 258m<sup>2</sup> và thửa 595, tờ bản đồ số 16, diện tích 276m<sup>2</sup>, gia đình bà Nguyễn Thị L sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Ngày 04/6/2015, UBND phường L đã có xác nhận bổ sung về thời điểm xây dựng công trình trên đất đối với gia đình bà Nguyễn Thị L trước ngày 15/10/1993 và từ sau ngày 01/7/2004 đến trước 01/7/2014. Việc xây dựng công trình vật kiến trúc không hợp pháp, không có văn bản xử lý ngăn chặn.

Ngày 22/6/2015, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã ban hành thông báo số 64/TB-HĐBTHT&TĐC về việc niêm yết công khai lấy ý kiến đối với 74 dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà

nước thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng khu công nghệ cao sinh học, trong đó có hộ gia đình .

Ngày 11/4/2016, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 1312/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội với nội dung: “*Thu hồi 534m<sup>2</sup> đất nông nghiệp không giao do UBND phường L quản lý (thuộc thửa đất số 589, tờ bản đồ 16, diện tích 258m<sup>2</sup> và thửa đất số 595, tờ bản đồ 16, diện tích 276m<sup>2</sup>, bản đồ đo năm 1994 phường L), hiện hộ gia đình bà Nguyễn Thị L đang sử dụng trước ngày 01/7/2004*”.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 1383/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị L tại dự án với nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất, cây trồng, vật nuôi và các công trình trên đất.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 188.619.191 đồng (*Một trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm mười chín nghìn, một trăm chín mươi mốt đồng*), cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: 107.654.400 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ về hoa màu: 69.960.000 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ công trình: 11.004.791 đồng (Trong đó: công trình xây dựng trước 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 80% đơn giá, công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 được hỗ trợ bằng 10% đơn giá).
- Về việc tri trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng:

Ngày 29/4/2016, UBND phường L có Biên bản bàn giao Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị L.

Các ngày 21/7/2016, 18/8/2016, UBND phường L phối hợp với Chi nhánh phát triển quỹ đất B (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất quận B) đã tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà L. Tuy nhiên, hộ gia đình bà Nguyễn Thị L không phối hợp nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

**- Về việc giải quyết khiếu nại:**

Chủ tịch UBND quận B nhận được đơn của bà Nguyễn Thị L về việc khiếu nại Quyết định số 1312/QĐ-UBND và Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị L.

Ngày 30/5/2016, UBND quận B ban hành Thông báo số 813/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L (Đô).

Ngày 30/5/2016, Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số 2133/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại.

Theo phiếu xác nhận bổ sung ngày 04/6/2015 của UBND phường L, hộ gia đình bà Nguyễn Thị L xây dựng công trình trên diện tích đất bị thu hồi để phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND xã L; Do đó, được hỗ trợ về công trình bằng 80% mức bồi thường đơn giá đối với công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ 10% đối với công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 3



Điều 14 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên, ngày 27/6/2016, UBND phường L có văn bản số 205/UBND-ĐC đề nghị UBND Quận xem xét bồi thường, hỗ trợ phần công trình trên đất nông nghiệp cho các hộ gia đình với nội dung: “UBND xã L trước đây (nay là UBND phường L) tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp được xây dựng một số công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp không lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và trật tự xây dựng gồm các công trình: bể phân; giếng khoan; nhà lưới ni lông, khung tre; hàng rào lưới B40; tường rào xây gạch, nhà tạm để dụng cụ sản xuất nông nghiệp và trồng nom tài sản”. Như vậy, các công trình xây dựng của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường L song đã được UBND phường L tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý; Do đó, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng.

Ngày 21/7/2016, Thanh tra Quận đã có Báo cáo số 270/BC-TTr về việc báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Tổ dân phố Y 2, phường L, quận B.

Ngày 29/7/2016, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3066/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L (lần đầu).

Theo đó, Chủ tịch UBND quận B giải quyết khiếu nại theo hướng:

“- Giữ nguyên Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 và Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L, quận B.

- Giao Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Quận xem xét trình UBND Quận phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị L theo hướng: Bồi thường 100% đơn giá công trình xây dựng đối với các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.”

Bà Nguyễn Thị L không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại lần 2 gửi Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

Ngày 12/12/2016, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 6895/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của Nguyễn Thị L.

Theo đó, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại theo hướng: “Đồng ý Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị L (ở tổ dân phố Y 2, phường L, quận B) về việc không áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp) khi Nhà nước thu hồi 534m<sup>2</sup> đất nông nghiệp hộ gia đình bà Nguyễn Thị L đang sử dụng để thực hiện dự án xây dựng khu công nghệ cao sinh học Hà Nội tại phường L, quận B”.

Ủy ban nhân dân quận B chưa ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân theo các Quyết định của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) do các hộ gia đình, cá nhân không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại (lần đầu) của UBND quận B, tiếp tục có đơn khiếu nại (lần 2) gửi UBND thành phố Hà Nội và khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Đến nay do vụ việc đang trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết nên sau khi có phán quyết cuối cùng của Tòa án và được UBND thành phố Hà Nội gia hạn thời gian giải phóng mặt bằng, bố trí nguồn vốn của dự án, UBND quận B sẽ tiến hành giao Hội đồng BTHT&TĐC dự án thực hiện điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của Pháp luật.

Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch UBND quận B giữ nguyên các quyết định hành chính và các văn bản hành chính đã ban hành đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị L khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L, quận B.

**Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình bày:**

Sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội khẳng định nội dung Quyết định số 6895/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại là đúng quy định pháp luật. Đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội không có ý kiến khác gì với quan điểm đã thể hiện tại Quyết định số 6895/QĐ-UBND ngày 15/12/2016.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường L trình bày:** Nhất trí với các nội dung trình bày của UBND quận B.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Hợp tác xã Yên Nội trình bày:**

Hộ gia đình bà Nguyễn Thị L được HTX Yên Nội giao đất sản xuất nông nghiệp bao gồm cả phần diện tích khu sống cao từ thời điểm khoán 100 năm 1981 theo chỉ thị 100/CT/TW ngày 13/01/1981 của Ban Bí thư về việc cải tiến hình thức giao khoán mở rộng đến từng hộ gia đình cá nhân. Tại thời điểm giao đất không có biên bản giao bằng giấy mà giao bằng miệng trực tiếp tại hiện trường và quản lý theo phương án thu sản phẩm một năm hai vụ của hợp tác xã; tuy nhiên do thời gian lâu ngày lên phương án thời điểm đó bị mối mọt xông không còn lưu trữ được. Đến năm 1988, khi thực hiện hình thức khoán 10 theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị thì diện tích sản xuất của hộ bà L vẫn không thay đổi mà chỉ thay đổi sản lượng giao khoán.

Năm 1999, khi thực hiện giao đất nông nghiệp theo nghị định 64-NĐ/CP của Chính phủ thì địa phương (hội đồng giao đất xã) chỉ lập phương án cân đối trên giấy tờ chứ không giữ ra giao lại trong đó chỉ cân đối đất lúa hai vụ còn đất trồng màu gồm khu Sống cao và đất bãi ngoài đê trung ương giữ nguyên không đưa vào cân đối. Chính vì vậy toàn bộ diện tích các hộ đang sử dụng gần như không có xáo trộn gì và hầu như người dân không quan tâm đến việc có được cấp giấy chứng nhận hay không vì họ vẫn sản xuất ổn định bình thường, vẫn giao nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với HTX từ năm 1981 đến nay.



**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** là ông **Hà Văn Thái**, ông **Hà Văn Đ**, bà **Hà Thị H**, ông **Hà Văn M** thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

**Tại phiên tòa:**

Đại diện ủy quyền của bà L sau khi trình bày tranh luận đã đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện để đảm bảo quyền và lợi ích theo đúng quy định pháp luật cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị L.

**5. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa:** Hoạt động thụ lý và tiến hành tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng quy định; đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, Luật Đất đai năm 2013, Luật Khiếu nại và các văn bản pháp luật có liên quan:

- Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.
- Về án phí HCST: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

**[1] Về tố tụng:**

Đối tượng khởi kiện là các Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của ủy ban nhân dân quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Quyết định số 6895/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai đều là các quyết định hành chính được ban hành trong quá trình thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 15/11/2019 bà Nguyễn Thị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu hủy Quyết định số 6895/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai và sau đó bà Nguyễn Thị L tiếp tục bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu. Theo bà L trình bày mặc dù bà nộp đơn khiếu nại lần 2 từ năm 2016 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại cùng ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 6895/QĐ-UBND từ ngày 15/12/2016, nhưng gia đình bà không nhận được Quyết định này. Ngày 22/7/2019, gia đình bà mới được giao nhận được Quyết định và ngày

15/11/2019 bà mới thực hiện được việc nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Bà có xuất trình Biên bản bàn giao quyết định của Ban tiếp công dân thành phố Hà Nội ngày 22/7/2019 cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cung cấp tài liệu chứng cứ về việc bàn giao Quyết định số 6895/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 cho bà Nguyễn Thị L nhưng không được cung cấp. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định ngày bà Nguyễn Thị L nhận được Quyết định số 6895/QĐ-UBND là ngày 22/7/2019 để tính thời hiệu khởi kiện và căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của bà L đảm bảo về thời hiệu.

Khi xét tính hợp pháp của các Quyết định bị khởi kiện, Hội đồng xét xử xem xét cả tính hợp pháp của Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Hà Văn Đ (vợ là bà Nguyễn Thị L) để thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường L, Hợp tác xã Yên Nội, ông Hà Văn Thái, ông Hà Văn Đ, bà Hà Thị H, ông Hà Văn M đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 156 và khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

## **[2] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính:**

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Ủy ban nhân dân Quận B ban hành các Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Hà Văn Đ (vợ là bà Nguyễn Thị L) để thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội và Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết là đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6895/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của bà Nguyễn Thị L là đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại.

[2.2] Về các nội dung của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Diện tích 534 m<sup>2</sup> (gồm: 258m<sup>2</sup> thuộc thửa số 586 tờ bản đồ số 16 và 276111<sup>2</sup> thuộc thửa số 595 tờ bản đồ số 16 lập năm 1994 được Giám đốc Sở Địa

chính ký xác nhận ngày 26/11/1996) hộ gia đình bà Nguyễn Thị L sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội có nguồn gốc là đất nông nghiệp, hộ gia đình bà Nguyễn Thị L sử dụng từ khoán 100, khoán 10, nhưng không nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình bà L.

Theo phương án chi tiết giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị L (chồng là Hà Văn Đ) lưu tại Ủy ban nhân dân phường L thể hiện: số nhân khẩu được giao: 5 khẩu, diện tích được giao: 1.290m<sup>2</sup> (bình quân 258m<sup>2</sup>/khẩu) và đã được UBND huyện Từ Liêm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Trên thực tế, ngoài diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định số 64/CP nêu trên, hộ gia đình bà L còn sử dụng 534m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (gồm 258 m<sup>2</sup> thuộc thửa 586 tờ bản đồ 16 và 276 m<sup>2</sup> thuộc thửa 595 tờ bản đồ 16) từ trước thời điểm thực hiện giao đất theo Nghị định số 64/CP để sản xuất nông nghiệp cho đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án. Chính quyền địa phương không thực hiện bất kỳ biện pháp gì để thu hồi đất lại diện tích đất để quản lý theo quy định và cũng không ký hợp đồng cho thuê đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất.

Đối với diện tích 534m<sup>2</sup> này bị thu hồi tại dự án xây dựng Khu công nghệ cao sinh học được xác định là đất nông nghiệp không giao do Ủy ban nhân dân phường L quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/NĐ-CP); Do đó, ngày 11/4/2016, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 1312/QĐ-UBND về việc thu hồi 534m<sup>2</sup> đất nông nghiệp không giao do UBND phường L quản lý là đúng quy định.

Tại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị L đã tính bồi thường về đất theo giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Đối với yêu cầu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hộ gia đình bà L không thuộc đối tượng được hỗ trợ được quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và cũng không được tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Theo phiếu xác nhận bổ sung ngày 04/6/2015 của UBND phường L, hộ gia đình bà Nguyễn Thị L xây dựng công trình trên diện tích đất bị thu hồi để phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND xã L; Do đó, được hỗ trợ về công trình bằng 80% mức bồi thường đơn giá đối với công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ 10% đối với công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 14 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên, ngày 27/6/2016, UBND phường L có văn bản số 205/UBND-ĐC đề nghị UBND Quận xem xét bồi thường, hỗ trợ phần công trình trên đất nông nghiệp cho các hộ gia đình với nội dung: “UBND xã L trước đây (nay là UBND phường L) tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp được

*xây dựng một số công trình phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp không lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và trật tự xây dựng gồm các công trình: bể phân; giếng khoan; nhà lưới ni lông, khung tre; hàng rào lưới B40; tường rào xây gạch, nhà tạm để dụng cụ sản xuất nông nghiệp và trồng nom tài sản”.* Như vậy, các công trình xây dựng của hộ gia đình bà Nguyễn Thị L phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường L song đã được UBND phường L tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý; Do đó, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng. Và tại Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu đã quyết định bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị L.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định diện tích 534m<sup>2</sup> đất do hộ gia đình bà Nguyễn Thị L đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không được giao theo Nghị định 64/CP; Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B ban hành Quyết định số 1380/QĐ-UBND về việc thu hồi 534 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp và Quyết định số 1383/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị L đã bồi thường 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 77, Luật Đất đai năm 2013, không tính hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3066/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6895/QĐ-UBND là ngày 22/7/2019 về giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Nguyễn Thị L là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung đảm bảo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị L trình bày một số hộ dân ở phường L, phường Tây Tựu bị thu hồi đất để thực hiện dự án có diện tích như gia đình bà bị thu hồi nhưng không được bồi thường, hỗ trợ nghề và tìm kiếm việc làm. Các hộ dân đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ điều 74, điều 75 Luật đất đai 2013 và điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai xử hủy quyết định và chấp nhận phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp và Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên các bản án này Tòa án nhân dân cấp cao đã xử Giám đốc thẩm và quyết định hủy toàn bộ các Bản án sơ thẩm nói trên để xét xử lại theo thẩm quyền. Mặt khác, tại thời điểm hộ gia đình bà L bị thu hồi đất là vào năm 2016 khi đó Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 (có hiệu lực từ ngày 03/3/2017) chưa được ban hành. Tại Điều 5 của Nghị định có quy định về Điều khoản chuyển tiếp như sau: “Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương

*án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Nghị định này”.* Như vậy, trường hợp của hộ gia đình bà L không được áp dụng các quy định của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 để được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp.

Do các Quyết định nói trên đều đúng pháp luật và đã đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị L nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà L về việc buộc UBND quận B ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình bà L số tiền **610.917.573 đồng**.

Từ phân tích, nhận định và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy có không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Do vậy, căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính xử bác các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

**[4] Về án phí:** Yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính và Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Luận cứ và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ nhận định trên,

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 1,3 Điều 9; khoản 1, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1/ Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

3/ Về án phí hành chính sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí được trừ vào khoản tiền đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm tại



Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0013993 ngày 28/02/2020).

4/ Bà Nguyễn Thị L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B, Ủy ban nhân dân phường L, Hợp tác xã Yên Nội, ông Hà Văn Thái, ông Hà Văn Đ, bà Hà Thị H, ông Hà Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án .

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ/ VPTA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Lam**